

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 154/2022/HNGĐ-ST

Ngày 13 tháng 7 năm 2022

Về việc: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Anh Minh

Ông Võ Sĩ Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn T S, sinh năm 1985 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã L, thành phố C, tỉnh C.

Bị đơn: Anh Hoàng Q H, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã L, thành phố C, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn T S trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Hoàng Q H kết hôn với nhau vào năm 2011, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh C. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống vợ chồng có nhiều xáo trộn, không hạnh phúc. Gia đình hai bên đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng nhiều. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Hoàng G L, sinh ngày 16/9/2011, hiện đang sống cùng với chị S. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn anh Hoàng Q H: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án

đã tiến hành triệu tập hợp lệ để hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử nhưng anh H vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Hoàng Q H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không lý do; Chị Nguyễn T S có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn T S và anh Hoàng Q H kết hôn với nhau vào năm 2011, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh C. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh H được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án, chị S xác định không còn tình cảm yêu thương anh H, hôn nhân không còn hạnh phúc nên mong muốn được ly hôn và khẳng định đời sống hôn nhân không thể duy trì, trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị S được ly hôn với anh H.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Hoàng G L, sinh ngày 16/9/2011, hiện đang sinh sống cùng với chị S từ khi vợ chồng ly thân với nhau cho đến nay. Thấy rằng, hiện nay các con chung đã ổn định về cuộc sống cùng với chị S, con chung có nguyện vọng được ở cùng với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do đó cần giao con chung cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh H không trực tiếp nuôi con, có quyền lui tới thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị S xác định không có.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị S phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn T S được ly hôn với anh Hoàng Q H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Hoàng G L, sinh ngày 16/9/2011 cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh H không trực tiếp nuôi con, có quyền lui tới thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị S phải chịu 300.000 đồng. Ngày 14/3/2022 chị S đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0001012 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND xã N, H.Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kiều Trang